

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 3 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QLHCNN

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 48, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Lý Hồng An	1	107	7.5	Bảy rưỡi	
2	Dương Đức Anh	2	85	6.5	Sáu rưỡi	
3	Dương Thủy Anh	3	22	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Quang Anh	4	98	6.5	Sáu rưỡi	
5	Đặng Vĩnh Bắc	5	03	7.0	Bảy	
6	Đỗ Hải Bằng	6	97	7.0	Bảy	
7	Lê Thanh Bình	7	18	7.5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Văn Canh	8	24	7.0	Bảy	
9	Diệp Kiều Chanh	9	05	6.5	Sáu rưỡi	
10	Trần Thị Tô Chinh	10	-	-	-	Vắng thi
11	Bạch Thị Tuyết Chinh	11	89	7.0	Bảy	
12	Tạ Văn Chung	12	102	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Phúc Công	13	21	7.0	Bảy	
14	Nguyễn Thị Thu Cúc	14	90	7.0	Bảy	
15	Trần Thị Kim Cúc	15	51	7.0	Bảy	
16	Trần Thị Dung	16	78	7.0	Bảy	
17	Nguyễn Văn Dũng	17	16	7.0	Bảy	
18	Nguyễn Thị Đào	18	99	7.0	Bảy	
19	Dương Quốc Đông	19	43	7.5	Bảy rưỡi	
20	Vũ Thị Hồng Đông	20	72	7.0	Bảy	
21	Bùi Anh Đức	21	40	7.5	Bảy rưỡi	

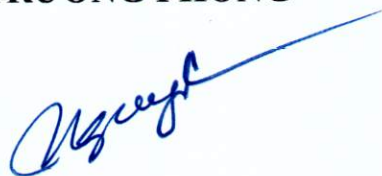
STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Trần Long Đức	22	48	7.5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Việt Hà	23	26	7.5	Bảy rưỡi	
24	Dương Thanh Hà	24	46	8.0	Tám	
25	Nguyễn Thị Việt Hà	25	01	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	26	95	8.0	Tám	
27	Trần Thị Kim Hạnh	27	74	7.5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Thị Thu Hằng	28	44	7.5	Bảy rưỡi	
29	Lê Thị Thu Hiền	29	62	7.0	Bảy	
30	Bùi Thị Hoa	30	14	8.0	Tám	
31	Nguyễn Thị Hòa	31	67	8.0	Tám	
32	Phạm Xuân Hòa	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
33	Đào Thị Hoài	32	108	6.5	Sáu rưỡi	
34	Phạm Thị Thúy Hồng	33	64	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Phúc Huệ	34	34	7.0	Bảy	
36	Dương Mạnh Hùng	35	29	8.0	Tám	
37	Bá Thị Thu Hưng	36	37	8.0	Tám	
38	Nguyễn Văn Hưng	37	100	6.5	Sáu rưỡi	
39	Lê Thị Hương	38	77	7.5	Bảy rưỡi	
40	Dương Thị Thu Hương	39	65	7.0	Bảy	
41	Lương Ngọc Hường	40	82	6.5	Sáu rưỡi	
42	Nguyễn Thị Hường	41	63	7.0	Bảy	
43	Đồng Thanh Hường	42	91	7.5	Bảy rưỡi	
44	Trần Thị Hường	43	83	7.0	Bảy	
45	Nguyễn Xuân Huy	44	96	7.0	Bảy	
46	Hoàng Thị Thu Huyền	45	45	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thị Thương Huyền	46	42	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Thành Lam	47	76	7.0	Bảy	
49	Nguyễn Phương lan	48	07	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	SBD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Chu Thị Thu Lan	49	08	7.0	Bảy	
51	Dương Thị Phương Lan	50	12	7.0	Bảy	
52	Nguyễn Thị Thùy Linh	51	70	7.5	Bảy rưỡi	
53	Lý Thúy Loan	52	55	7.5	Bảy rưỡi	
54	Lê Thị Hà Loan	53	59	8.0	Tám	
55	Nguyễn Thị Long	54	27	7.5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Văn Lương	55	103	6.5	Sáu rưỡi	
57	Đào Thị Mai	56	56	7.0	Bảy	
58	Nguyễn Thị Mai	57	75	7.0	Bảy	
59	Nguyễn Thị Ngọc Mai	58	06	8.0	Tám	
60	Lê Thanh Minh	59	84	7.0	Bảy	
61	Dương Thị Mùi	60	53	7.5	Bảy rưỡi	
62	Nguyễn Thành Nam	61	50	7.5	Bảy rưỡi	
63	Nguyễn Quỳnh Nga	62	93	7.0	Bảy	
64	Phùng Thị Tuyết Nga	63	79	7.5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Thanh Ngà	64	04	8.0	Tám	
66	Dương Ngọc Nghiêm	65	49	7.0	Bảy	
67	Nguyễn Tuấn Ngọc	66	92	7.5	Bảy rưỡi	
68	Hoàng Vân Ngọc	67	11	8.0	Tám	
69	Nguyễn Thị Nhuận	68	19	7.5	Bảy rưỡi	
70	Bùi Thị Quỳnh Nhung	69	38	7.5	Bảy rưỡi	
71	Nguyễn Thị Kim Nhung	70	17	7.5	Bảy rưỡi	
72	Đỗ Minh Phương	71	106	7.0	Bảy	
73	Hoàng Thị Liên phương	72	02	7.5	Bảy rưỡi	
74	Nguyễn Duy Phương	73	23	7.0	Bảy	
75	Nguyễn Xuân Quý	74	86	8.0	Tám	
76	Nghiêm Thị Quý	75	30	7.0	Bảy	
77	Đặng Quang Quỳnh	76	105	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
78	Trần Thị Như Quỳnh	77	80	7.0	Bảy	
79	Mai Thị Thanh Quỳnh	78	35	8.0	Tám	
80	Hà Xuân Sơn	79	61	7.0	Bảy	
81	Dương Đức Thanh	80	47	7.5	Bảy rưỡi	
82	Nguyễn Đăng Thanh	81	10	6.5	Sáu rưỡi	
83	Dương Thị Thanh	82	13	7.5	Bảy rưỡi	
84	Nguyễn Thị Thanh	83	81	7.0	Bảy	
85	Nguyễn Bá Thành	84	09	7.0	Bảy	
86	Nguyễn Đức Thành	85	101	7.0	Bảy	
87	Nguyễn Thị Minh Thiện	86	39	7.5	Bảy rưỡi	
88	Vương Thị Kim Thư	87	54	7.0	Bảy	
89	Tạ Phương Thủy	88	66	7.5	Bảy rưỡi	
90	Trần Thị Thủy	89	60	7.0	Bảy	
91	Triệu Thu Trang	90	32	8.0	Tám	
92	Phạm Hồng Trường	91	25	7.5	Bảy rưỡi	
93	Trương Viết Trường	92	36	7.5	Bảy rưỡi	
94	Hoàng Ngọc Tú	93	52	7.0	Bảy	
95	Trịnh Văn Tuấn	94	15	7.0	Bảy	
96	Phạm Anh Tuấn	95	104	7.0	Bảy	
97	Hoàng Thị Kim Tuyền	96	73	7.0	Bảy	
98	Lương Trung Tuyền	97	20	7.0	Bảy	
99	Trần Thị Tuyết	98	88	7.5	Bảy rưỡi	
100	Nguyễn Thị Tuyết	99	57	7.5	Bảy rưỡi	
101	Nguyễn Thị Tý	100	58	7.5	Bảy rưỡi	
102	Hoàng Thị Vân	101	31	8.0	Tám	
103	Nguyễn Thị Vân	102	68	7.5	Bảy rưỡi	
104	Lê Quảng Viễn	103	69	7.5	Bảy rưỡi	
105	Dương Quang Vinh	104	33	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
106	Nguyễn Hải Yến	105	41	7.5	<i>Bảy rưỡi</i>	
107	Nguyễn Hải Yến (A - 1981)	106	94	7.0	<i>Bảy</i>	
108	Lê Ngọc Hoa	107	71	7.0	<i>Bảy</i>	
109	Trần Hải Quân	108	87	7.0	<i>Bảy</i>	
110	Nguyễn Thị Thanh Hoa	109	28	7.0	<i>Bảy</i>	K47 chuyển sang

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

